

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN HỒNG NGỰ  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 53/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-12-2020

V/v tranh chấp ly hôn,  
tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Lương Bằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lâm Văn Bình.
2. Ông Nguyễn Văn Dũng.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Ngô Thị Tường - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thái Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 245/2020/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 138/2020/QĐXX-ST ngày 20 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Trương Văn L, sinh năm 1978; Địa chỉ nơi cư trú: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Chị Nguyễn Thị G, sinh năm 1982; Địa chỉ nơi cư trú: thị trấn TTT, huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt lần thứ hai)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 19/8/2020 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn anh Trương Văn L trình bày:* Anh và chị Nguyễn Thị G cưới nhau vào năm

2001, hôn nhân do mai mối nhưng anh chị vẫn đồng ý kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TTT (nay là thị trấn TTT), huyện HN, tỉnh Đồng Tháp. Sau khi cưới vợ chồng sống chung gia đình anh, được 01 năm thì ra sống riêng. Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, nhưng đến khoảng tháng 4/2020 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, do chị G có người đàn ông khác ở bên ngoài nên vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và vợ chồng không còn sống chung với nhau từ hơn 08 tháng nay. Trong thời gian không còn sống chung thì anh chị không có gặp nhau để hàn gắn. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Thị G vì đời sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Có 03 con chung tên Trương Thị Cẩm Th, sinh ngày 14/01/2002, Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 08/7/2009 và Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 15/4/2012, hiện cháu Cẩm T và Cẩm N đang sống với anh, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu chị G cấp dưỡng, còn cháu Cẩm Th đã trưởng thành và có gia đình riêng nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Anh và chị Nguyễn Thị G chung sống không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với chị Nguyễn Thị G, Tòa án đã triệu tập để hòa giải và xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng chị từ chối không đến Tòa án tham gia phiên hòa giải và xét xử.

Tại bản khai ngày 30/10/2020, cháu Trương Thị Cẩm T trình bày: “Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với ba”.

Tại bản khai ngày 30/10/2020, cháu Trương Thị Cẩm N trình bày: “Ba mẹ ly hôn nguyện vọng ở với ba”.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Trương Văn L được ly hôn với chị Nguyễn Thị G; về con chung: giao con chung Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 08/7/2009 và Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 15/4/2012 cho anh L được tiếp tục nuôi dưỡng và chị G không phải cấp dưỡng do anh Thanh Hoài không có yêu cầu, còn cháu Cẩm Th đã trưởng thành và có gia đình riêng nên không đề cập đến; về tài sản chung và nợ chung: không có và không yêu cầu giải quyết, nên không đề cập đến.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đây là vụ kiện tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014.

[2] Bị đơn chị Nguyễn Thị G đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị G là hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn và hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014. Xét yêu cầu ly hôn của anh L đối với chị G, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo lời trình bày của anh L tại phiên tòa hôm nay thì cuộc sống của anh và chị G không hạnh phúc, nguyên do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống và vợ chồng không còn sống chung với nhau từ hơn 08 tháng nay. Từ khi không còn sống chung, anh và chị G không liên lạc với nhau để bàn bạc, hàn gắn tình cảm. Đối với chị G thì Tòa án đã triệu tập họp lệ đến Tòa án để hòa giải, động viên cho vợ chồng đoàn tụ, nhưng anh vẫn không đến và cũng không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét. Từ đó, có thể nhận thấy rằng mối quan hệ vợ chồng của anh L và chị G hoàn toàn không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Như vậy, xét thấy yêu cầu ly hôn của anh L là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014: *“Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”* và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát, nên chấp nhận cho anh Trương Văn L ly hôn với chị Nguyễn Thị G.

[4] Về việc nuôi con: Tại phiên tòa hôm nay, anh L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 08/7/2009 và Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 15/4/2012, anh không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử xét thấy, 02 cháu Cẩm T, Cẩm N từ khi anh L và chị G không còn sống chung và hiện nay đều do anh L chăm sóc, nuôi dưỡng và để ổn định

việc sinh hoạt của 02 cháu cũng như nguyện vọng của 02 cháu, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung của anh L, chị G không phải cấp dưỡng nuôi con do anh L không có yêu cầu và cũng phù hợp với đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát. Còn cháu Trương Thị Cẩm Th hiện đã trưởng thành và có gia đình riêng, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Do anh L trình bày không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn chị G không gửi văn bản ghi ý kiến của mình để Tòa án xem xét, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để buộc đương sự phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015; Điều 53, khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trương Văn L, cho ly hôn giữa anh Trương Văn L và chị Nguyễn Thị G.

2. Về việc nuôi con:

2.1. Anh Trương Văn L được tiếp tục chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng 02 con chung Trương Thị Cẩm T, sinh ngày 08/7/2009 và Trương Thị Cẩm N, sinh ngày 15/4/2012.

2.2. Chị Nguyễn Thị G không phải cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí sơ thẩm: Anh Trương Văn L chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí mà anh đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0001409 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự.

4. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Hồng Ngự;
- UBND tt TTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Nguyễn Lương Bằng**